

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HSST

Ngày: 05/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Trung

Ông Mai Xuân Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 160/2019/HSST ngày 17 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2019/QĐST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC T**; Tên gọi khác: Ê; Sinh ngày: 27/7/1988; Tại: Tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: 203/14A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1945; Con bà: Lâm Thị T, sinh năm: 1957. Hiện đều trú tại: Số 203/14A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Châu Hồng Y, sinh năm: 1988 và có 01 con sinh năm: 2018. Hiện đều trú tại: Số 203/14A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú –Có mặt.

2. Họ và tên: **LÊ QUỐC V**; Tên gọi khác: T; Sinh ngày: 06/9/1995 Tại: Tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: 09/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Lê Văn T, sinh năm: 1967; Con bà: Thòòng Lộc M, sinh năm: 1967. Hiện đều trú tại: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có vợ là Cầm Thị Thu T, sinh năm: 1994 và có 01 con sinh năm: 2018. Hiện đều trú tại: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú –Có mặt.

3. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN D**; Tên gọi khác: D. Lãng; Sinh ngày: 19/6/1994; Tại: Tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: 215/59/9 đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1969; Con bà: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1969. Hiện đều trú tại: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Cao H. Niê, sinh năm: 1993, có 01 con sinh năm 2019. Hiện trú tại: 215/59/9 đường V, Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú –Có mặt.

4. Họ và tên: **TÔ VĂN N**; Tên gọi khác: B. Đông; Sinh ngày: 14/3/1992; Tại: Tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký HKTT: T12, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: T8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Tô Văn Đ, sinh năm: 1971; Con bà: Lê Thị Thanh N, sinh năm: 1971. Hiện đều trú tại: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Trần Thị Yến N, sinh năm: 1995 và có 01 con sinh năm 2018. Hiện đều trú tại: T8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Ngày 07/11/2013, bị Toà án nhân dân thành phố B, xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tại Bản án số: 305/2013/HSST. Ngày 24/02/2014, bị Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số: 36/2014/HSPT. Ngày 20/10/2014, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương cư trú, bị cáo đã được xoá án tích.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

Người bị hại: Anh Trịnh Đăng D – Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 126/112 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức T – Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 117, T8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Anh Phạm Trịnh Anh T – Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 08 đường V1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Ái V – Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 59/15 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Chị H'M. Niê – Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: T1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

5. Chị Cao Thị Bích P – Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 75/1 đường A, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Kim H – Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 117, T8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N là bạn bè quen biết nhau. Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 09/7/2018, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, màu sơn xanh đen, số máy: 1S940251xx, số khung: S9408Y0251xx, gắn biển số: 47N8 – 67xx, chở Lê Quốc V ngồi sau, mang theo 01 đèn pin, 01 bao màu đỏ, 01 Cà lê và 01 dây thòng lọng chích điện để đi bắt trộm chó của người dân. Khi đến đường Y, phường T, thành phố B, thì T, V gặp Nguyễn Văn D điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen, số máy: 5C6J1633xx, số khung: RLCS5C6J0FY1633xx, gắn biển số: 47P8 – 75xx chở Tô Văn N, mang theo 01 đèn pin, 01 dây thòng lọng chích điện, 01 bao màu đỏ và 01 cuộn băng keo cũng đang đi trộm cắp chó. Lúc này, T, V, Nguyễn Văn D và N rủ nhau cùng đi trộm cắp chó của người dân bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì tất cả đồng ý. Sau đó, khi đến nhà của anh Trịnh Đăng D (sinh năm: 1988, ở địa chỉ: Số 126/112 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), cả bốn phát hiện thấy trong sân nhà của anh Trịnh Đăng D có 02 con chó, gồm: 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao 65 cm, chiều dài 117 cm, cân nặng 53kg và 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao

63 cm, chiều dài 112 cm, cân nặng 40kg được nhốt trong chuồng sắt, không có người trông coi. Lúc này, T và Nguyễn Văn D dùng xe mô tô, đứng canh giới ở bên ngoài để cho V và N xuống xe, đột nhập vào trong sân. Sau đó, V đến đẩy mạnh cổng nhà anh Trịnh Đăng D nhiều cái làm cho khuy khoá cổng bị gãy bung ra rồi cùng với N đến gần chuồng chó, dùng Cà lê, bẻ gãy ổ khoá chuồng chó, sử dụng thông lọng chích điện làm 02 con chó bất tỉnh và lần lượt vác 02 con chó ra bên ngoài, bỏ vào 02 bao tải mang ra xe mô tô mà T và Nguyễn Văn D chờ sẵn, tẩu thoát. Trên đường đi, cả bọn tìm chỗ để giấu 02 con chó trộm cắp được nên Trương sử dụng điện thoại Nokia 1208, màu đen, số Imei: 355205/05/383043/2 gọi cho anh trai là Nguyễn Đức T và nói: “anh cho em gửi 02 con chó, bạn em mới mua, nhà nó đi vắng, sợ mất trộm, gửi mấy hôm em lấy”. Do là anh em trong gia đình nên khi nghe T nhờ gửi thì anh Trọng không nghi ngờ gì và đồng ý cho gửi. Sau đó, T, V, N và Nguyễn Văn D điều khiển xe, chở 02 con chó giống Rottweiler về gửi tại nhà của anh T, ở địa chỉ: Số 117, T8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, rồi đi cất giấu quần áo, khẩu trang và các công cụ dùng trộm cắp chó tại nhà của T. Khoảng vài ngày sau, do biết việc trộm 02 con chó của nhà anh Trịnh Đăng D bị phát hiện nên T sử dụng điện thoại Nokia 1208, màu đen, số Imei: 355205/05/383043/2 gọi cho N và Nguyễn Văn D đến nhà anh T lấy lại 02 con chó rồi nhờ đối tượng tên T (chưa xác định nhân thân lai lịch) mang chó đi trả cho anh Trịnh Đăng D. Đến khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 17/7/2018, anh Trịnh Đăng D được một đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) sử dụng điện thoại di động gắn sim số 09413056xx gọi hẹn đến lô cà phê ở hẻm số 116 đường Y phường T, thành phố B (cách nhà của anh Trịnh Đăng D khoảng 550m), để nhận lại chó. Lúc này, anh Trịnh Đăng D đến lô cà phê, tìm thấy 02 con chó được cột tại gốc cà phê rồi mang về nhà và trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giao: 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao 65 cm, chiều dài 117 cm, cân nặng 53kg và 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao 63 cm, chiều dài 112 cm, cân nặng 40kg cho anh Trịnh Đăng D quản lý, chăm sóc. Cơ quan điều tra tạm giữ 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh Camera thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản của anh Trịnh Đăng D, đã tự nguyện giao nộp, để phục vụ công tác điều tra

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 201/KLĐG ngày 27/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao 65 cm, chiều dài 117 cm, cân nặng 53kg; trị giá: 17.000.000 đồng.

- 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao 63 cm, chiều dài 112 cm, cân nặng 40kg; trị giá: 13.000.000 đồng. Tổng giá trị là: 30.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 182/CT-VKS-TPBMT ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Nguyễn Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Lê Quốc V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tô Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trao trả: 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao 65 cm, chiều dài 117 cm, cân nặng 53kg và 01 con chó, giống Rottweiler, màu lông đen nâu, chiều cao 63 cm, chiều dài 112 cm, cân nặng 40kg cho anh Trịnh Đăng D; trao trả: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, màu sơn xanh đen, số máy: 1S940251xx, số khung: S9408Y0251xx, gắn biển số: 47N8 – 67xx, cho chị Nguyễn Thị Ái V, nhận quản lý, sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy 02 thông lọng chích điện (có đặc điểm: 01 bộ gồm cây bằng kim loại kích thước: (68x02)cm được quấn băng keo màu đen bên ngoài; 01 cục biến áp kích điện kích thước: (06x09) cm được gắn 01 dây điện màu xanh và 01 dây điện màu nâu dán băng keo màu đen có một đầu cắm bằng nhựa màu trắng và 01 bộ cây bằng kim loại kích thước: (70x02)cm, một đầu gắn dây điện dài 80 cm có một đầu cắm

bằng nhựa màu trắng, một đầu gắn dây thòng lọng dài 93 cm có gắn 02 miếng kim loại hình sao 08 cánh.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 1208, màu đen, số Imei: 355205/05/383043/2 của bị cáo Nguyễn Đức T là phương tiện của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án đối với: 01 điện thoại Nokia 1059, màu vàng, số Imei 1: 353420091988397, số Imei 2: 353420093988395, của bị cáo Nguyễn Đức T và 01 điện thoại di động hiệu Zono, model: N110, màu xanh, số Imei: 351732089371325 của bị cáo Lê Quốc V;

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh Camera thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản của anh Trịnh Đăng D, để đảm bảo công tác xét xử.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn được pháp luật Nhà nước ta tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Song, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 01 giờ sáng ngày 09/7/2018, Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N đã cùng rủ nhau đột nhập vào nhà của anh Trịnh Đăng D, tại: Số 126/112 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, trộm cắp: 02 con chó, giống Rottweiler, thì bị phát hiện xử lý. Xác định tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là: 30.000.000 đồng.

Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, như vậy có đủ căn cứ để kết luận, quyết định truy tố các bị cáo về tội

“Trộm cắp tài sản”, theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Trong vụ án bốn bị cáo tham gia, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, với vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo là như nhau, tuy nhiên cần phải xem xét về nhân thân của các bị cáo để đánh giá và đưa ra mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo Tô Văn N và bị cáo Lê Quốc V là những bị cáo chuẩn bị công cụ là thông lọng để đi bắt trộm chó, các bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Nguyễn Văn D là những bị cáo đã điều khiển xe mô tô để chở các bị cáo N, V trong quá trình đi trộm cắp và cất giấu tài sản. Xét về nhân thân của các bị cáo thì bị cáo Tô Văn N là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều này, thể hiện ý thức cải tạo của bị cáo Nam có phần hạn chế. Do vậy, mức hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo cũng phải đủ nghiêm khắc, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bày tỏ sự ăn năn hối cải, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn và chưa gây thiệt hại gì cho người bị hại. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo giao trả tài sản cho người bị hại, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lê Quốc V là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, do vậy cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Tô Văn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, khắc phục hậu quả cho bị hại, vì vậy được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống

xã hội là không cần thiết, có thể áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo hưởng án treo, để các bị cáo tự học tập, cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 02 thông lọng chích điện (có đặc điểm: 01 bộ gồm cây bằng kim loại kích thước: (68x02)cm được quấn băng keo màu đen bên ngoài; 01 cục biến áp kích điện kích thước: (06x09) cm được gắn 01 dây điện màu xanh và 01 dây điện màu nâu dán băng keo màu đen có một đầu cắm bằng nhựa màu trắng và 01 bộ cây bằng kim loại kích thước: (70x02)cm, một đầu gắn dây điện dài 80 cm có một đầu cắm bằng nhựa màu trắng, một đầu gắn dây thông lọng dài 93 cm có gắn 02 miếng kim loại hình sao 08 cánh, là tang vật các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại Nokia 1208, màu đen, số Imei: 355205/05/383043/2 của bị cáo Nguyễn Đức T là phương tiện của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại Nokia 1059, màu vàng, số Imei 1: 353420091988397, số Imei 2: 353420093988395, của bị cáo Nguyễn Đức T và 01 điện thoại di động hiệu Zono, model: N110, màu xanh, số Imei: 351732089371325 của bị cáo Lê Quốc V không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, màu sơn xanh đen, số máy: 1S940251xx, số khung: S9408Y0251xx, gắn biển số: 47N8 – 67xx. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản do anh Phạm Trịnh Anh T (sinh năm: 1983, trú tại: Số 08 đường V, phường T, thành phố B) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào năm 2016, anh T đã bán chiếc xe mô tô cho chị Nguyễn Thị Ái V (sinh năm 1988, trú tại: Số 59/15 đường Y, phường T, thành phố B) nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Đến khoảng tháng 7/2018, chị V cho bị cáo Nguyễn Đức T mượn sử dụng để đi lại, sau đó T sử dụng làm phương tiện cùng đồng bọn đi trộm cắp tài sản thì chị V không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, không đề cập xử lý đối với chị V và ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại cho chị V là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp.

- Đối với: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen, số máy: 5C6J1633xx, số khung: RLCS5C6J0FY1633xx, biển số xe đăng ký thật là: 47B1-962.xx là do anh

Phạm Kiên C đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D khai nhận đã mua xe của người không rõ lai lịch. Sau đó, để tránh bị phát hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Văn D vớt bỏ biển số thật và mua biển số: 47P8 – 75xx gắn vào xe, sử dụng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 09/7/2018 tại nhà của anh Trịnh Đăng D. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có người tên Phạm Kiên C trú tại địa phương, không có chủ sở hữu nhận xe. Do vậy, Cơ quan điều tra tách chiếc xe mô tô trên ra để tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với biển số xe: 47P8 – 75xx được bị cáo Nguyễn Văn D gắn vào xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen, số máy: 5C6J1633xx, số khung: RLCS5C6J0FY1633xx, để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, đây là biển số xe mô tô do chị H'M. Niê đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào khoảng tháng 03/2013, chị H'M. Niê bán xe mô tô gắn biển số: 47P8 – 75xx cho chị Cao Thị Bích P, sau đó, chị P tiếp tục bán cho người không rõ nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan điều tra tách chiếc biển số xe trên ra để tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau, là phù hợp.

- Trong vụ án này, anh Nguyễn Đức T có hành vi cho bị cáo Nguyễn Đức T và các bị cáo khác gửi 02 con chó, tuy nhiên anh T không biết đây là tài sản do T cùng đồng bọn phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với 02 đối tượng, gồm: Đối tượng tên T, là người đã mang 02 con chó trả cho anh Trịnh Đăng D và đối tượng đã sử dụng điện thoại di động gắn sim số 09413056xx gọi hẹn cho anh Trịnh Đăng D đến lô cà phê ở hẻm số 116 đường Y, phường T, thành phố B để nhận lại chó, hiện nay chưa xác định nhân thân lai lịch của 02 đối tượng trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh Camera thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản của anh Trịnh Đăng D, cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác xét xử .

- Ngoài vụ án này, bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Lê Quốc V đã một lần cùng nhau đi trộm cắp chó của người dân trên địa bàn thành phố B, nhưng các bị cáo không nhớ rõ địa điểm, thời gian đã trộm cắp và chưa xác định được người bị hại. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tách hành vi của bị cáo T và V ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[4]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì,

các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 , điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN ĐỨC T** (Ê) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN VĂN D** (D. Lãng) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173 , điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **LÊ QUỐC V** (T) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân phường T; Bị cáo Lê Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã H; Bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173 , điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **TÔ VĂN N** (B.Đông) 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, tiêu hủy 02 thông lọng chích điện (có đặc điểm: 01 bộ gồm cây bằng kim loại kích thước: (68x02)cm được quấn băng keo màu đen bên ngoài; 01 cục biến áp kích điện kích thước: (06x09) cm được gắn 01 dây điện màu xanh và 01 dây điện màu nâu dán băng keo màu đen có một đầu cắm bằng nhựa màu trắng và 01 bộ cây

bằng kim loại kích thước: (70x02)cm, một đầu gắn dây điện dài 80 cm có một đầu cắm bằng nhựa màu trắng, một đầu gắn dây thòng lọng dài 93 cm có gắn 02 miếng kim loại hình sao 08 cánh.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 1208, màu đen, số Imei: 355205/05/383043/2 của bị cáo Nguyễn Đức T là phương tiện của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án đối với: 01 điện thoại Nokia 1059, màu vàng, số Imei 1: 353420091988397, số Imei 2: 353420093988395, của bị cáo Nguyễn Đức T và 01 điện thoại di động hiệu Zono, model: N110, màu xanh, số Imei: 351732089371325 của bị cáo Lê Quốc V.

Tang vật có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/6/2019 được lưu trong hồ sơ vụ án.

-Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Quốc V, Nguyễn Văn D và Tô Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Nhà tạm giữ CA thành phố B;
- UBND phường K, phường T, xã H, thành phố B;
- Các bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
H'Năm Bkrông**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H’Năm Bkrông

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. BMT;
- Chánh án TAND Tp. BMT;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

H’NĂM BKRÔNG

